

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 1

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0001 | Bùi Quang Anh         | 22/03/77  | Nam  | Thái Nguyên |
| 2   | CH0011 | Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | 29/04/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 3   | CH0014 | Nguyễn Văn Anh        | 19/08/82  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 4   | CH0015 | Phạm Thế Anh          | 15/10/80  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 5   | CH0025 | Lê Tiến Bắc           | 05/07/81  | Nam  | Thái Nguyên |
| 6   | CH0028 | Đinh Quốc Biên        | 25/09/81  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 7   | CH0033 | Trương Vũ Bình        | 26/06/87  | Nam  | Thái Nguyên |
| 8   | CH0034 | Đặng Quang Bích       | 16/02/84  | Nam  | Hưng Yên    |
| 9   | CH0035 | Nguyễn Văn Bính       | 08/04/73  | Nam  | Bắc Giang   |
| 10  | CH0037 | Vũ Song Cảnh          | 18/11/86  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 11  | CH0038 | Nguyễn Văn Cầu        | 17/10/66  | Nam  | Thái Bình   |
| 12  | CH0040 | Lê Quang Chất         | 31/05/70  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 13  | CH0051 | Nguyễn Văn Chính      | 23/09/71  | Nam  | Bắc Giang   |
| 14  | CH0056 | Nguyễn Duy Chung      | 28/03/78  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 15  | CH0060 | Nguyễn Đức Công       | 10/02/83  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 16  | CH0063 | Tổng Duy Cường        | 25/01/78  | Nam  | Hà Nội      |
| 17  | CH0066 | Hà Mạnh Cường         | 16/10/81  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 18  | CH0069 | Mai Đức Cường         | 02/12/76  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 19  | CH0075 | Phạm Văn Cường        | 03/06/80  | Nam  | Thái Nguyên |
| 20  | CH0076 | Trịnh Thế Cường       | 10/12/75  | Nam  | Nam Định    |
| 21  | CH0083 | Dương Văn Du          | 09/11/65  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 22  | CH0085 | Nguyễn Lê Nguyên Dung | 03/12/87  | Nữ   | Quảng Ngãi  |
| 23  | CH0093 | Đoàn Văn Duyến        | 19/08/72  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 24  | CH0095 | Dương Quang Dũng      | 22/03/82  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 25  | CH0098 | Lê Quốc Dũng          | 27/12/71  | Nam  | Lào Cai     |
| 26  | CH0099 | Nguyễn Chí Dũng       | 30/05/81  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 27  | CH0101 | Phạm Bá Dũng          | 14/07/65  | Nam  | Bắc Giang   |
| 28  | CH0106 | Đồng Thùy Dương       | 03/06/83  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 29  | CH0107 | Nguyễn Bá Dương       | 06/02/72  | Nam  | Hải Phòng   |
| 30  | CH0111 | Trần Văn Dưỡng        | 19/05/74  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 31  | CH0112 | Nguyễn Quốc Dũng      | 27/02/65  | Nam  | Hà Nội      |
| 32  | CH0116 | Phạm Văn Đại          | 28/01/76  | Nam  | Hải Phòng   |
| 33  | CH0117 | Chu Đức Đạo           | 07/09/87  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 34  | CH0123 | Nguyễn Minh Đăng      | 29/01/71  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 35  | CH0128 | Phạm Hồng Diệp        | 26/11/66  | Nam  | Hải Phòng   |
| 36  | CH0130 | Nguyễn Thị Định       | 03/10/86  | Nữ   | Hà Nội      |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 1

TRÌNH ĐỘ: **B2**

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|---------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0138 | Nguyễn Anh Đức      | 24/11/68  | Nam  | Hưng Yên    |
| 38  | CH0141 | Vũ Minh Đức         | 13/06/83  | Nam  | Cao Bằng    |
| 39  | CH0172 | Nguyễn Song Hà      | 28/08/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 40  | CH0178 | Nguyễn Thị Thu Hà   | 09/10/76  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 41  | CH0203 | Hoàng Thị Hạnh      | 04/11/70  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 42  | CH0207 | Nguyễn Thị Thu Hạnh | 21/12/87  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 43  | CH0211 | Tạ Thị Hạnh         | 30/05/80  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 44  | CH0212 | Tạ Thị Thu Hạnh     | 10/09/71  | Nữ   | Vĩnh Phú    |
| 45  | CH0213 | Trần Thị Hồng Hạnh  | 21/03/79  | Nữ   | Nam Định    |

ấn định danh sách có: 45 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 2

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0216 | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 26/03/76  | Nữ   | Lai Châu    |
| 2   | CH0222 | Trần Thị Lệ Hằng      | 15/03/72  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 3   | CH0223 | Trần Thị Thu Hằng     | 19/01/80  | Nữ   | Hà Nam      |
| 4   | CH0229 | Huỳnh Thu Hiền        | 13/06/86  | Nữ   | Quảng Ngãi  |
| 5   | CH0232 | Nguyễn Văn Hiến       | 22/12/70  | Nam  | Hải Dương   |
| 6   | CH0240 | Nguyễn Trung Hiếu     | 06/11/76  | Nam  | Hải Dương   |
| 7   | CH0242 | Nguyễn Trung Hiếu     | 29/12/87  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 8   | CH0245 | Hoàng Huy Hiệp        | 23/09/73  | Nam  | Thái Nguyên |
| 9   | CH0246 | Nguyễn Huy Hiệp       | 01/12/89  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 10  | CH0257 | Nguyễn Thị Hoa        | 02/02/73  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 11  | CH0258 | Nguyễn Thị Hoa        | 14/05/76  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 12  | CH0259 | Nguyễn Thị Tuyết Hoa  | 01/01/71  | Nữ   | Hà Nội      |
| 13  | CH0268 | Bùi Thị Thanh Hoàn    | 03/04/75  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 14  | CH0276 | Nguyễn Việt Hòa       | 15/08/89  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 15  | CH0277 | Trần Văn Hòa          | 05/09/74  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 16  | CH0279 | Vũ Minh Hòa           | 01/10/75  | Nam  | Phú Thọ     |
| 17  | CH0284 | Nguyễn Thị Minh Hồng  | 07/01/74  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 18  | CH0298 | Nguyễn Thị Hồng Huệ   | 20/11/77  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 19  | CH0302 | Ngô Quang Huy         | 28/10/65  | Nam  | Hà Nội      |
| 20  | CH0317 | Vũ Thị Thu Huyền      | 04/11/80  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 21  | CH0318 | Dương Đình Hùng       | 01/04/88  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 22  | CH0320 | Hà Thanh Hùng         | 08/12/85  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 23  | CH0324 | Nguyễn Anh Hùng       | 14/06/87  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 24  | CH0327 | Nguyễn Việt Hùng      | 20/06/86  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 25  | CH0328 | Phan Mạnh Hùng        | 30/12/79  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 26  | CH0331 | Vũ Việt Hùng          | 21/03/83  | Nam  | Sơn La      |
| 27  | CH0335 | Lương Việt Hưng       | 25/11/82  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 28  | CH0340 | Nguyễn Thế Hưng       | 26/12/84  | Nam  | Nam Định    |
| 29  | CH0344 | Vũ Quang Hưng         | 04/11/71  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 30  | CH0345 | Vũ Tiến Hưng          | 31/10/78  | Nam  | Thái Bình   |
| 31  | CH0354 | Nguyễn Thị Hương      | 25/08/81  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 32  | CH0355 | Nguyễn Thị Mai Hương  | 06/07/83  | Nữ   | Hà Nội      |
| 33  | CH0364 | Trần Thị Mai Hương    | 04/05/76  | Nữ   | Hà Tĩnh     |
| 34  | CH0367 | Vũ Mai Hương          | 27/08/86  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 35  | CH0376 | Nguyễn Văn Kha        | 08/10/73  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 36  | CH0378 | Trịnh Đình Khá        | 01/10/81  | Nam  | Hà Nội      |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 2

TRÌNH ĐỘ: **B2**MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0379 | Đào Quốc Khánh        | 02/09/65  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 38  | CH0383 | Đào Đình Khoa         | 21/08/76  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 39  | CH0385 | Đỗ Huy Khôi           | 05/11/81  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 40  | CH0390 | Đào Trọng Kiên        | 15/05/78  | Nam  | Hải Phòng   |
| 41  | CH0393 | Nguyễn Trung Kiên     | 06/02/67  | Nam  | Hà Nội      |
| 42  | CH0394 | Trịnh Trung Kiên      | 30/05/83  | Nam  | Tuyên Quang |
| 43  | CH0400 | Nguyễn Thị Phương Lan | 19/09/80  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 44  | CH0403 | Lê Thị Lành           | 20/06/77  | Nữ   | Thái Bình   |
| 45  | CH0412 | Nguyễn Thị Bích Liên  | 09/04/74  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |

ấn định danh sách có: 45 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 3

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0419 | Hoàng Mỹ Linh         | 25/07/82  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 2   | CH0432 | Nguyễn Thành Long     | 24/10/76  | Nam  | Hà Nội      |
| 3   | CH0434 | Vũ Đức Long           | 28/09/88  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 4   | CH0448 | Phạm Văn Mạn          | 12/06/66  | Nam  | Hải Phòng   |
| 5   | CH0453 | Hà Xuân Minh          | 03/04/62  | Nam  | Hà Nội      |
| 6   | CH0454 | Phan Thị Tuyết Minh   | 27/08/73  | Nữ   | Hà Nội      |
| 7   | CH0456 | Trần Quang Minh       | 29/08/67  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 8   | CH0461 | Nguyễn Quý Nam        | 24/01/77  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 9   | CH0462 | Nguyễn Thành Nam      | 19/05/84  | Nam  | Hà Nội      |
| 10  | CH0468 | Vũ Thành Nam          | 04/02/84  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 11  | CH0487 | Nguyễn Hồng Ngoan     | 19/12/79  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 12  | CH0492 | Dương Thị Bích Ngọc   | 22/01/79  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 13  | CH0507 | Đào Văn Nhuận         | 12/06/65  | Nam  | Thái Bình   |
| 14  | CH0510 | Đỗ Thị Hồng Nhung     | 17/04/73  | Nữ   | Hà Nội      |
| 15  | CH0516 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 14/09/87  | Nữ   | Quảng Ngãi  |
| 16  | CH0519 | Nguyễn Hữu Nhường     | 01/07/69  | nam  | Hải Dương   |
| 17  | CH0526 | Nguyễn Thị Hồng Oanh  | 22/03/77  | Nữ   | Quảng Ngãi  |
| 18  | CH0535 | Dương Hà Phú          | 22/11/83  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 19  | CH0542 | Đoàn Thị Thanh Phương | 19/06/77  | Nữ   | Yên Bái     |
| 20  | CH0544 | Đồng Thu Phương       | 08/03/80  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 21  | CH0546 | Hà Hồng Phương        | 02/02/84  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 22  | CH0547 | Hoàng Văn Phương      | 24/08/66  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 23  | CH0549 | Nguyễn Thị Phương     | 29/11/89  | Nữ   | Hà Tây      |
| 24  | CH0553 | Trần Xuân Phương      | 10/02/75  | Nam  | Hà Nam      |
| 25  | CH0554 | Vi Quốc Phương        | 25/08/73  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 26  | CH0555 | Lê Bình Phương        | 16/04/65  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 27  | CH0557 | Nguyễn Thanh Phương   | 06/03/75  | Nữ   | Tây Ninh    |
| 28  | CH0558 | Trần Thị Minh Phương  | 03/04/75  | Nữ   | Tây Ninh    |
| 29  | CH0564 | Trương Văn Quang      | 19/04/70  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 30  | CH0570 | Trần Ngọc Quế         | 23/03/74  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 31  | CH0578 | Hoàng Quốc Quyền      | 20/03/82  | Nam  | Hà Giang    |
| 32  | CH0581 | Dương Thành Quyết     | 17/09/78  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 33  | CH0582 | Phạm Hùng Quyết       | 29/08/79  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 34  | CH0588 | Nguyễn Thị Việt Quỳnh | 09/03/80  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 35  | CH0589 | Bùi Minh Quý          | 19/03/83  | Nữ   | Yên Bái     |
| 36  | CH0590 | Lê Văn Quý            | 10/07/85  | Nam  | Vĩnh Phúc   |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 3

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH   |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|------------|
| 37  | CH0598 | Nguyễn Tất Sáng      | 16/12/71  | Nam  | Vĩnh Phúc  |
| 38  | CH0599 | Nguyễn Thị Hương Sen | 27/07/75  | Nữ   | Hải Dương  |
| 39  | CH0608 | Lò Thanh Sơn         | 02/07/80  | Nam  | Sơn La     |
| 40  | CH0610 | Lưu Thế Sơn          | 14/08/81  | Nam  | Hà Nội     |
| 41  | CH0611 | Nguyễn Anh Sơn       | 28/05/74  | Nam  | Hà Nội     |
| 42  | CH0614 | Nguyễn Văn Sơn       | 15/09/69  | Nam  | Vĩnh Phúc  |
| 43  | CH0616 | Vũ Văn Sơn           | 10/02/79  | Nam  | Quảng Ninh |
| 44  | CH0620 | Lê Đăng Tâm          | 01/09/68  | Nam  | Vĩnh Phúc  |
| 45  | CH0623 | Nguyễn Thị Minh Tâm  | 05/06/79  | Nữ   | Quảng Ngãi |

ấn định danh sách có: 45 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 4

TRÌNH ĐỘ: B2

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|--------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0629 | Nguyễn Ngọc Thanh  | 19/09/77  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 2   | CH0633 | Trần Việt Thanh    | 21/11/74  | Nam  | Hà Nam      |
| 3   | CH0637 | Vũ Trần Thanh      | 27/08/83  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 4   | CH0638 | Khổng Sơn Thành    | 25/08/85  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 5   | CH0642 | Nguyễn Trung Thành | 21/09/72  | Nam  | Lào Cai     |
| 6   | CH0662 | Hà Tất Thắng       | 04/01/64  | Nam  | Hưng Yên    |
| 7   | CH0663 | Hồ Sỹ Thắng        | 10/07/73  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 8   | CH0677 | Nghiêm Tiến Thịnh  | 17/11/79  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 9   | CH0678 | Nguyễn Văn Thịnh   | 17/12/71  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 10  | CH0681 | Hoàng Văn Thơi     | 28/02/64  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 11  | CH0690 | Trần Thị Lệ Thu    | 02/06/84  | Nữ   | Gia Lai     |
| 12  | CH0694 | Lưu Văn Thuyên     | 10/09/80  | Nam  | Hà Nội      |
| 13  | CH0696 | Mai Thị Thanh Thùy | 08/12/83  | Nữ   | Nam Định    |
| 14  | CH0697 | Hà Thị Lệ Thúy     | 09/06/79  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 15  | CH0698 | Đặng Thị Thủy      | 15/07/81  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 16  | CH0724 | Phạm Việt Tiến     | 20/12/90  | Nam  | Hải Phòng   |
| 17  | CH0739 | Nguyễn Như Trang   | 22/06/86  | Nữ   | Thái nguyên |
| 18  | CH0741 | Nguyễn Thu Trang   | 02/10/82  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 19  | CH0746 | Võ Thy Trang       | 22/08/78  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 20  | CH0749 | Vũ Thị Kim Trinh   | 06/03/68  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 21  | CH0753 | Nguyễn Thành Trung | 25/07/81  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 22  | CH0758 | Đỗ Xuân Trường     | 29/11/74  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 23  | CH0762 | Nguyễn Đình Trường | 06/07/70  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 24  | CH0764 | Lê Anh Tuấn        | 02/09/80  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 25  | CH0765 | Nguyễn Minh Tuấn   | 20/05/76  | Nam  | Hà Nội      |
| 26  | CH0768 | Nguyễn Thanh Tuấn  | 17/02/79  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 27  | CH0776 | Nguyễn Văn Tuyên   | 02/10/80  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 28  | CH0779 | Đào Thị Kim Tuyến  | 20/02/80  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 29  | CH0783 | Nguyễn Thị Tuyết   | 17/08/84  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 30  | CH0785 | Nguyễn Thanh Tùng  | 09/12/77  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 31  | CH0786 | Nguyễn Thanh Tùng  | 02/09/70  | Nam  | Nghệ An     |
| 32  | CH0791 | Hoa Thị Minh Tú    | 22/08/75  | Nữ   | Hưng Yên    |
| 33  | CH0793 | Nguyễn Ngọc Tú     | 08/04/83  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 34  | CH0794 | Phạm Thanh Tú      | 21/12/85  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 35  | CH0796 | Trần Tuấn Tú       | 04/11/81  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 36  | CH0797 | Đỗ Thị Hồng Tươi   | 08/12/73  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 4

TRÌNH ĐỘ: **B2**MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|---------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0798 | Đỗ Mạnh Tường       | 25/12/79  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 38  | CH0799 | Cao Thành Văn       | 15/05/58  | Nam  | Cà Mau      |
| 39  | CH0807 | Trần Thị Thanh Vân  | 19/05/73  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 40  | CH0814 | Dương Thị Thúy Vinh | 08/10/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 41  | CH0819 | Nguyễn Đình Vĩnh    | 15/04/63  | Nam  | Phú Thọ     |
| 42  | CH0820 | Nguyễn Tiến Vụ      | 14/09/69  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 43  | CH0822 | Phan Viết Vượng     | 25/01/79  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 44  | CH0823 | Ngô Thị Kim Xuân    | 12/06/72  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 45  | CH0826 | Nguyễn Văn Yên      | 17/11/78  | Nam  | Vĩnh Phúc   |

ấn định danh sách có: 45 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 5

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0002 | Bùi Thị Vân Anh      | 27/06/77  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 2   | CH0003 | Dương Hồng Anh       | 27/07/84  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 3   | CH0004 | Hà Mười Anh          | 28/08/78  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 4   | CH0005 | Hà Thị Lan Anh       | 05/05/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0006 | Lò Ngọc Anh          | 30/10/90  | Nữ   | Sơn La      |
| 6   | CH0007 | Nguyễn Thế Anh       | 26/01/74  | Nam  | Yên Bái     |
| 7   | CH0008 | Nguyễn Thị Huệ Anh   | 08/09/87  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 8   | CH0009 | Nguyễn Thị Huyền Anh | 27/10/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 9   | CH0010 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 13/12/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 10  | CH0012 | Nguyễn Tuấn Anh      | 13/06/89  | Nam  | Hà Nội      |
| 11  | CH0013 | Nguyễn Tuấn Anh      | 26/10/79  | Nam  | Hà Nam      |
| 12  | CH0016 | Vũ Thị Quỳnh Anh     | 04/03/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 13  | CH0017 | Ma Thị Ngọc ánh      | 08/12/89  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 14  | CH0018 | Nguyễn Văn ánh       | 09/01/90  | Nam  | Thái Bình   |
| 15  | CH0019 | Trần Thị Hồng ánh    | 25/11/79  | Nữ   | Hải Dương   |
| 16  | CH0020 | Vũ Ngọc ánh          | 04/12/87  | Nam  | Thái Nguyên |
| 17  | CH0021 | Lưu Văn Ba           | 19/02/80  | Nam  | Bắc Giang   |
| 18  | CH0022 | Nguyễn Văn Bách      | 27/06/76  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 19  | CH0023 | Nguyễn Văn Bằng      | 25/10/75  | Nam  | Phú Thọ     |
| 20  | CH0024 | Đỗ Thị Bắc           | 11/01/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 21  | CH0026 | Vũ Việt Bắc          | 20/06/86  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 22  | CH0027 | Đào Văn Biên         | 01/03/89  | Nam  | Thái Nguyên |
| 23  | CH0029 | Tào Ngọc Biên        | 26/06/84  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 24  | CH0030 | Vũ Biển              | 04/07/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 25  | CH0031 | Đặng Thị Bình        | 04/09/76  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 26  | CH0032 | Phan Huy Bình        | 08/04/83  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 27  | CH0036 | Phạm Cao Bồn         | 29/11/81  | Nam  | Thái Bình   |
| 28  | CH0039 | Lộc Xuân Chấn        | 02/02/80  | Nam  | Hà Giang    |
| 29  | CH0041 | Hoàng Linh Chi       | 03/05/85  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 30  | CH0042 | Lê Đình Chi          | 07/05/81  | Nam  | Hà Giang    |
| 31  | CH0043 | Nguyễn Mai Chi       | 15/01/78  | Nữ   | Hà Nội      |
| 32  | CH0044 | Nguyễn Thị Khánh Chi | 24/12/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 33  | CH0045 | Lê Thị Chiên         | 13/08/83  | Nữ   | Hà Nam      |
| 34  | CH0046 | Lương Văn Chiến      | 06/03/79  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 35  | CH0047 | Lò Văn Chinh         | 20/05/76  | Nam  | Lai Châu    |
| 36  | CH0048 | Nguyễn Hữu Chinh     | 25/04/72  | Nam  | Nam Định    |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 5

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH  |
|-----|--------|------------------|-----------|------|-----------|
| 37  | CH0049 | Nguyễn Thị Chinh | 13/01/82  | Nữ   | Bắc Thái  |
| 38  | CH0050 | Nguyễn Minh Chí  | 13/10/79  | Nam  | Hà Nội    |
| 39  | CH0052 | Phạm Đức Chính   | 06/02/82  | Nam  | Hà Nội    |
| 40  | CH0053 | Bùi Hữu Chung    | 27/12/76  | Nam  | Thái Bình |
| 41  | CH0054 | Đặng Bích Chung  | 28/10/78  | Nữ   | Phú Thọ   |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 6

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH       |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|----------------|
| 1   | CH0055 | Lê Quang Chung       | 25/10/78  | Nam  | Bắc Ninh       |
| 2   | CH0057 | Nguyễn Huy Chung     | 30/10/64  | Nam  | Yên Bái        |
| 3   | CH0058 | Nguyễn Thành Chung   | 16/08/82  | Nam  | Tuyên Quang    |
| 4   | CH0059 | Phạm Văn Chuyển      | 02/01/85  | Nam  | Thái Bình      |
| 5   | CH0061 | Phạm Tiến Công       | 21/07/85  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 6   | CH0062 | Nguyễn Thị Cúc       | 09/11/88  | Nữ   | Hà Nội         |
| 7   | CH0064 | Đinh Mạnh Cường      | 25/08/88  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 8   | CH0065 | Đới Duy Cường        | 05/05/89  | Nam  | Thanh Hóa      |
| 9   | CH0067 | Lã Mạnh Cường        | 07/10/83  | Nam  | Hoàng Liên Sơn |
| 10  | CH0068 | Lê Tiến Cường        | 07/10/72  | Nam  | Hà Giang       |
| 11  | CH0070 | Nguyễn Đình Cường    | 16/10/84  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 12  | CH0071 | Nguyễn Minh Cường    | 23/10/73  | Nam  | Hà Nội         |
| 13  | CH0072 | Nguyễn Thế Cường     | 25/04/87  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 14  | CH0073 | Phạm Huy Cường       | 14/03/80  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 15  | CH0074 | Phạm Tuấn Cường      | 12/12/79  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 16  | CH0077 | Vũ Mạnh Cường        | 12/09/84  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 17  | CH0078 | Lê Thanh Cừ          | 01/05/79  | Nam  | Thanh Hóa      |
| 18  | CH0079 | Đỗ Thị Dân           | 30/04/86  | Nữ   | Thái Bình      |
| 19  | CH0080 | Lâm Thành Dân        | 25/06/76  | Nam  | Hà Giang       |
| 20  | CH0081 | Nguyễn Kiều Diễm     | 25/09/91  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 21  | CH0082 | Vũ Khắc Doanh        | 01/07/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 22  | CH0084 | Bế Lan Dung          | 22/07/82  | Nữ   | Tuyên Quang    |
| 23  | CH0086 | Nguyễn Thanh Dung    | 10/12/84  | Nữ   | Hà Tây         |
| 24  | CH0087 | Nguyễn Thanh Dung    | 06/10/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 25  | CH0088 | Nguyễn Thị Dung      | 26/08/90  | Nữ   | Tuyên Quang    |
| 26  | CH0089 | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 15/10/86  | Nữ   | Phú Thọ        |
| 27  | CH0090 | Phạm Thị Kim Dung    | 18/07/76  | Nữ   | Nam Định       |
| 28  | CH0091 | Đỗ Viết Duy          | 17/09/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 29  | CH0092 | Trần Thị Duyên       | 15/08/89  | Nữ   | Bắc Giang      |
| 30  | CH0094 | Bùi Duy Dũng         | 28/12/81  | Nam  | Thái Bình      |
| 31  | CH0096 | Đặng Tiến Dũng       | 30/09/82  | Nam  | Phú Thọ        |
| 32  | CH0097 | Đinh Quang Dũng      | 11/10/87  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 33  | CH0100 | Nguyễn Việt Dũng     | 09/12/90  | Nam  | Bắc Thái       |
| 34  | CH0102 | Phạm Đức Dũng        | 27/08/90  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 35  | CH0103 | Phùng Đình Dũng      | 28/06/84  | Nam  | Tuyên Quang    |
| 36  | CH0104 | Trần Minh Dũng       | 22/09/89  | Nam  | Thái Nguyên    |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 6

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN         | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0105 | Trần Việt Dũng    | 10/12/82  | Nam  | Tuyên Quang |
| 38  | CH0108 | Nguyễn Bình Dương | 31/12/86  | Nam  | Thái Nguyên |
| 39  | CH0109 | Phùng Bá Dương    | 19/09/78  | Nam  | Hà Tây      |
| 40  | CH0110 | Quan Thị Dưỡng    | 10/07/85  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 41  | CH0113 | Nguyễn Quang Đàm  | 21/06/86  | Nam  | Hà Nội      |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 7

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|------------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0114 | Nguyễn Thị Anh Đào     | 27/12/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 2   | CH0115 | Nguyễn Khắc Đại        | 16/03/76  | Nam  | Hải Dương   |
| 3   | CH0118 | Lê Trọng Đạt           | 20/07/82  | Nam  | Thái Nguyên |
| 4   | CH0119 | Lê Xuân Đạt            | 06/12/89  | Nam  | Thái Nguyên |
| 5   | CH0120 | Nguyễn Tiến Đạt        | 15/11/90  | Nam  | Hưng Yên    |
| 6   | CH0121 | Phạm Tuấn Đạt          | 07/04/77  | nam  | Quảng Ninh  |
| 7   | CH0122 | Khoa Thành Đăng        | 04/04/83  | Nam  | Thái Nguyên |
| 8   | CH0124 | Đinh Ngọc Diệp         | 01/01/83  | Nam  | Thái Nguyên |
| 9   | CH0125 | Hà Thị Bích Diệp       | 20/03/81  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 10  | CH0126 | Hoàng Diệp             | 09/03/90  | Nam  | Lạng Sơn    |
| 11  | CH0127 | Hoàng Thị Hồng Diệp    | 14/11/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 12  | CH0129 | Ngô Văn Định           | 09/06/81  | Nam  | Yên Bái     |
| 13  | CH0131 | Tạ Xuân Đông           | 28/11/88  | Nam  | Tuyên Quang |
| 14  | CH0132 | Nguyễn Văn Đồng        | 29/05/84  | Nam  | Hà Nội      |
| 15  | CH0133 | Đào Văn Dương          | 25/05/72  | Nam  | Hải Phòng   |
| 16  | CH0134 | Lê Văn Đường           | 20/09/82  | Nam  | Thái Nguyên |
| 17  | CH0135 | Đào Minh Đức           | 07/12/89  | Nam  | Hưng Yên    |
| 18  | CH0136 | Hoàng Minh Đức         | 22/06/80  | Nam  | Hưng Yên    |
| 19  | CH0137 | Hoàng Văn Đức          | 03/08/86  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 20  | CH0139 | Nguyễn Minh Đức        | 18/03/83  | Nam  | Tuyên Quang |
| 21  | CH0140 | Nguyễn Minh Đức        | 20/11/88  | Nam  | Hà Nội      |
| 22  | CH0142 | Nguyễn Thị Hồng Gấm    | 16/05/88  | Nữ   | Nam Định    |
| 23  | CH0143 | Đỗ Linh Giang          | 07/02/83  | Nam  | Hà Nội      |
| 24  | CH0144 | Hoàng Thọ Giang        | 21/09/75  | Nam  | Tuyên Quang |
| 25  | CH0145 | Nguyễn Như Giang       | 11/02/83  | Nam  | Hà Nội      |
| 26  | CH0146 | Nguyễn Thị Giang       | 17/05/89  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 27  | CH0147 | Nguyễn Thị Giang       | 14/10/89  | Nữ   | Nam Định    |
| 28  | CH0148 | Nguyễn Thị Hương Giang | 30/06/79  | Nữ   | Hải Dương   |
| 29  | CH0149 | Nguyễn Xuân Giang      | 05/10/84  | Nam  | Hà Nội      |
| 30  | CH0150 | Phạm Hà Giang          | 26/01/76  | Nam  | Hải Phòng   |
| 31  | CH0151 | Phạm Thị Hà Giang      | 15/07/84  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 32  | CH0152 | Tổng Thị Hương Giang   | 14/01/80  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 33  | CH0153 | Trần Kim Giang         | 05/03/89  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 34  | CH0154 | Trần Thị Hương Giang   | 12/12/81  | Nữ   | Yên Bái     |
| 35  | CH0155 | Vũ Thị Giang           | 19/09/70  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 36  | CH0156 | Hoàng Văn Giáp         | 18/05/64  | Nam  | Bắc Kạn     |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 7

TRÌNH ĐỘ: **B1**MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN      | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0157 | Bùi Tuấn Hà    | 28/01/82  | Nam  | Phú Thọ     |
| 38  | CH0158 | Cấn Hải Hà     | 08/07/71  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 39  | CH0159 | Dương Thị Hà   | 13/01/76  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 40  | CH0160 | Dương Thu Hà   | 29/01/71  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 41  | CH0161 | Đào Thị Thu Hà | 25/11/91  | Nữ   | Yên Bái     |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 8

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH       |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|----------------|
| 1   | CH0162 | Đinh Thị Thu Hà      | 25/08/84  | Nữ   | Sơn La         |
| 2   | CH0163 | Giang Hoàng Hà       | 07/03/82  | Nam  | Hà Nội         |
| 3   | CH0164 | Hoàng Thị Hà         | 20/06/80  | Nữ   | Thái Bình      |
| 4   | CH0165 | Lại Trung Hà         | 19/04/87  | Nam  | Hà Nam         |
| 5   | CH0166 | Lương Thị Hà         | 20/09/87  | Nữ   | Thái Bình      |
| 6   | CH0167 | Lương Thị Thái Hà    | 11/06/78  | Nữ   | Bắc Thái       |
| 7   | CH0168 | Mai Thị Hà           | 01/02/85  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 8   | CH0169 | Ngô Thị Hà           | 15/12/85  | Nữ   | Thanh Hóa      |
| 9   | CH0170 | Nguyễn Cẩm Hà        | 13/06/89  | Nữ   | Hà Bắc         |
| 10  | CH0171 | Nguyễn Mạnh Hà       | 15/05/75  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 11  | CH0173 | Nguyễn Thị Hồng Hà   | 31/10/89  | Nữ   | Hà Nội         |
| 12  | CH0174 | Nguyễn Thị Ngọc Hà   | 27/06/85  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 13  | CH0175 | Nguyễn Thị Thái Hà   | 14/03/87  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 14  | CH0176 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 26/06/86  | Nữ   | Bắc Ninh       |
| 15  | CH0177 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 28/01/84  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 16  | CH0179 | Nguyễn Văn Hà        | 10/12/76  | Nam  | Hà Nội         |
| 17  | CH0180 | Nông Ngọc Hà         | 22/01/91  | Nữ   | Lạng Sơn       |
| 18  | CH0181 | Tạ Thị Hà            | 10/03/84  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 19  | CH0182 | Trần Minh Hà         | 15/12/76  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 20  | CH0183 | Trần Thu Hà          | 13/05/90  | Nữ   | Vĩnh Phú       |
| 21  | CH0184 | Trịnh Thị Thu Hà     | 24/08/91  | Nữ   | Hà Nam         |
| 22  | CH0185 | Vũ Đức Hà            | 17/02/81  | Nam  | Hải Hưng       |
| 23  | CH0186 | Đoàn Quang Hải       | 01/10/69  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 24  | CH0187 | Lưu Mạnh Hải         | 20/08/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 25  | CH0188 | Mẫn Xuân Hải         | 03/11/88  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 26  | CH0189 | Nguyễn Hồng Hải      | 26/11/83  | Nam  | Hòa Bình       |
| 27  | CH0190 | Nguyễn Hồng Hải      | 02/12/90  | Nam  | Nam Định       |
| 28  | CH0191 | Nguyễn Thị Thanh Hải | 12/08/82  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 29  | CH0192 | Nguyễn Trọng Hải     | 04/05/82  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 30  | CH0193 | Nguyễn Trung Hải     | 06/04/70  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 31  | CH0194 | Nguyễn Trung Hải     | 08/09/87  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 32  | CH0195 | Nông Quang Hải       | 25/12/79  | Nam  | Bắc Kạn        |
| 33  | CH0196 | Phạm Hồng Hải        | 13/07/75  | Nam  | Hà Nội         |
| 34  | CH0197 | Phạm Minh Hải        | 19/06/84  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 35  | CH0198 | Trần Thanh Hải       | 29/06/74  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 36  | CH0199 | Ngô Thanh Hảo        | 17/06/81  | Nữ   | Gia Lai-KonTum |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 8

TRÌNH ĐỘ: **B1**

MÔN THI: **NÓI**

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0200 | Nguyễn Thị Thanh Hảo | 12/04/87  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 38  | CH0201 | Bùi Thị Hạnh         | 16/02/85  | Nữ   | Thái Bình   |
| 39  | CH0202 | Đào Mỹ Hạnh          | 07/11/89  | Nữ   | Hà Nam      |
| 40  | CH0204 | Lê Thị Hạnh          | 05/09/87  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 41  | CH0205 | Lương Hồng Hạnh      | 10/07/88  | Nữ   | Hà Nội      |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 9

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|------------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0206 | Nguyễn Thị Bích Hạnh   | 01/06/91  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 2   | CH0208 | Nguyễn Thu Hạnh        | 31/01/79  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 3   | CH0209 | Nông Thị Bích Hạnh     | 11/06/75  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 4   | CH0210 | Phạm Ngọc Hạnh         | 10/05/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0214 | Dương Thu Hằng         | 29/07/89  | Nữ   | Bắc giang   |
| 6   | CH0215 | Nguyễn Thị Diễm Hằng   | 15/09/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 7   | CH0217 | Nguyễn Thị ánh Hằng    | 20/07/91  | Nữ   | Hà Giang    |
| 8   | CH0218 | Nguyễn Thu Hằng        | 25/10/84  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 9   | CH0219 | Nguyễn Thúy Hằng       | 05/05/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 10  | CH0220 | Phạm Thị Hằng          | 03/03/74  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 11  | CH0221 | Phạm Thị Thúy Hằng     | 01/01/77  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 12  | CH0224 | Vũ Thị Thu Hằng        | 20/11/86  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 13  | CH0225 | Lê Ngọc Hân            | 22/02/88  | Nữ   | Hà Nam      |
| 14  | CH0226 | Đinh Thị Hậu           | 27/07/83  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 15  | CH0227 | Hoàng Văn Hậu          | 13/08/72  | Nam  | Nghệ An     |
| 16  | CH0228 | Bùi Thị Thanh Hiền     | 14/08/89  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 17  | CH0230 | Nguyễn Thị Thu Hiền    | 09/08/83  | Nữ   | Thái Bình   |
| 18  | CH0231 | Phạm Thị Minh Hiền     | 30/08/81  | Nữ   | Hà Nội      |
| 19  | CH0233 | Dương Đình Hiếu        | 15/04/80  | Nam  | Thái Nguyên |
| 20  | CH0234 | Đàm Thu Hiếu           | 23/09/81  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 21  | CH0235 | Đỗ Duy Hiếu            | 06/09/87  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 22  | CH0236 | Hoàng Thanh Hiếu       | 22/06/81  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 23  | CH0237 | Lê Quang Hiếu          | 20/12/79  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 24  | CH0238 | Nguyễn Đoàn Trung Hiếu | 17/12/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 25  | CH0239 | Nguyễn Quang Hiếu      | 31/10/73  | Nam  | Hải Phòng   |
| 26  | CH0241 | Nguyễn Trung Hiếu      | 16/01/82  | Nam  | Hà Nam      |
| 27  | CH0243 | Phùng Thị Hiếu         | 04/04/84  | Nữ   | Hải Dương   |
| 28  | CH0244 | Phạm Duy Hiễn          | 25/09/86  | Nam  | Phú Thọ     |
| 29  | CH0247 | Nguyễn Thị Hiệp        | 02/07/85  | Nữ   | Hà Nội      |
| 30  | CH0248 | Bạch Quỳnh Hoa         | 30/10/80  | Nữ   | Yên Bái     |
| 31  | CH0249 | Chử Thị Quỳnh Hoa      | 04/09/88  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 32  | CH0250 | Đặng Thị Hoa           | 02/08/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 33  | CH0251 | Đinh Thị Hoa           | 25/10/89  | Nữ   | Nam Định    |
| 34  | CH0252 | Nguyễn Lan Hoa         | 10/12/81  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 35  | CH0253 | Nguyễn Phương Hoa      | 13/07/81  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 36  | CH0254 | Nguyễn Thị Hoa         | 06/09/89  | Nữ   | Hà Nội      |

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 10

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|---------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0263 | Triệu Thị Hoa       | 20/08/88  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 2   | CH0264 | Vũ Thị Thanh Hoa    | 01/10/86  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 3   | CH0265 | Nông Thu Hoài       | 14/05/87  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 4   | CH0266 | Phạm Viết Hoài      | 15/10/86  | Nam  | Nghệ An     |
| 5   | CH0267 | Trần Thị Tô Hoài    | 20/05/80  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 6   | CH0269 | Đàm Thị Hải Hoàn    | 20/02/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 7   | CH0270 | Phạm Thị Ngọc Hoàn  | 20/11/91  | Nữ   | Hà Nam      |
| 8   | CH0271 | Đinh Đức Hoàng      | 16/06/84  | Nam  | Thái Nguyên |
| 9   | CH0272 | Đinh Huy Hoàng      | 26/02/77  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 10  | CH0273 | Lê Viết Hoàng       | 30/09/80  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 11  | CH0274 | Phạm Thái Hoàng     | 08/10/74  | Nam  | Nghệ An     |
| 12  | CH0275 | Đỗ Thị Bích Hòa     | 14/11/75  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 13  | CH0278 | Triệu Minh Hòa      | 20/04/84  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 14  | CH0280 | Vũ Việt Hòa         | 30/03/82  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 15  | CH0281 | Bùi Xuân Hồng       | 09/08/89  | Nam  | Hà Nam      |
| 16  | CH0282 | Lê Thị Bích Hồng    | 03/09/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 17  | CH0283 | Nguyễn Thị Hồng     | 19/12/86  | Nữ   | Nam Định    |
| 18  | CH0285 | Trần Thị Hồng       | 15/09/89  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 19  | CH0286 | Trịnh Thúy Hồng     | 10/09/79  | Nữ   | Hải Dương   |
| 20  | CH0287 | Phạm Trung Hợp      | 23/08/78  | Nam  | Thái Nguyên |
| 21  | CH0288 | Hà Sỹ Huân          | 16/06/78  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 22  | CH0289 | Lô Thị Huế          | 27/10/86  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 23  | CH0290 | Nông Thị Huế        | 31/01/90  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 24  | CH0291 | Dương Thị Huệ       | 24/08/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 25  | CH0292 | Đỗ Thị Minh Huệ     | 13/01/79  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 26  | CH0293 | Lê Thanh Huệ        | 04/08/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 27  | CH0294 | Lê Thanh Huệ        | 10/12/91  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 28  | CH0295 | Lê Thị Huệ          | 25/06/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 29  | CH0296 | Nguyễn Thị Huệ      | 20/02/80  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 30  | CH0297 | Nguyễn Thị Bích Huệ | 19/09/68  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 31  | CH0299 | Nguyễn Thị Kim Huệ  | 22/11/82  | Nữ   | Hà Nam      |
| 32  | CH0300 | Khuông Văn Huy      | 11/09/85  | Nam  | Bắc Giang   |
| 33  | CH0301 | Lê Hoàng Huy        | 05/01/88  | Nam  | Thái Nguyên |
| 34  | CH0303 | Nguyễn Quang Huy    | 12/05/86  | Nam  | Thái Nguyên |
| 35  | CH0304 | Nguyễn Quang Huy    | 01/09/87  | Nam  | Vĩnh Phú    |
| 36  | CH0305 | Phạm Văn Huy        | 22/04/73  | Nam  | Thái Nguyên |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 10

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|--------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0306 | Đào Thị Thu Huyền  | 17/10/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 38  | CH0307 | Hà Mỹ Huyền        | 20/10/75  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 39  | CH0308 | Lê Thanh Huyền     | 04/09/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 40  | CH0309 | Lý Thị Thanh Huyền | 01/01/81  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 41  | CH0310 | Mạc Thị Huyền      | 02/12/90  | Nữ   | Bắc Kạn     |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 11

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH       |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|----------------|
| 1   | CH0311 | Nguyễn Thị Huyền     | 13/02/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 2   | CH0312 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 08/07/88  | Nữ   | Ninh Bình      |
| 3   | CH0313 | Nguyễn Thị Thu Huyền | 19/03/83  | Nữ   | Hà Nội         |
| 4   | CH0314 | Phạm Thị Thu Huyền   | 26/04/80  | Nữ   | Lào Cai        |
| 5   | CH0315 | Phạm Thu Huyền       | 30/09/79  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 6   | CH0316 | Phạm Thu Huyền       | 17/03/78  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 7   | CH0319 | Hà Mạnh Hùng         | 09/07/75  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 8   | CH0321 | Hoàng Mạnh Hùng      | 06/01/78  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 9   | CH0322 | Lê Quang Hùng        | 25/06/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 10  | CH0323 | Lý Văn Hùng          | 17/09/89  | Nam  | Lạng Sơn       |
| 11  | CH0325 | Nguyễn Huy Hùng      | 14/07/75  | Nam  | Hà Giang       |
| 12  | CH0326 | Nguyễn Quang Hùng    | 22/04/85  | Nam  | Nghệ An        |
| 13  | CH0329 | Trang Mạnh Hùng      | 14/10/83  | Nam  | Hoàng Liên Sơn |
| 14  | CH0330 | Vũ Hoàng Xuân Hùng   | 01/11/88  | Nam  | Hà Tĩnh        |
| 15  | CH0332 | Đào Duy Hưng         | 14/09/71  | Nam  | Nghệ An        |
| 16  | CH0333 | Đặng Duy Hưng        | 25/10/87  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 17  | CH0334 | Hoàng Quang Hưng     | 23/12/84  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 18  | CH0336 | Nguyễn Đình Hưng     | 10/02/88  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 19  | CH0337 | Nguyễn Long Hưng     | 03/02/74  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 20  | CH0338 | Nguyễn Mạnh Hưng     | 08/05/82  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 21  | CH0339 | Nguyễn Thành Hưng    | 21/03/83  | Nam  | Hải Dương      |
| 22  | CH0341 | Nguyễn Văn Hưng      | 11/01/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 23  | CH0342 | Nguyễn Văn Hưng      | 09/02/82  | Nam  | Hà Nam         |
| 24  | CH0343 | Triệu Quang Hưng     | 18/10/81  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 25  | CH0346 | Đinh Thị Thu Hương   | 11/02/89  | Nữ   | Tuyên Quang    |
| 26  | CH0347 | Đoàn Thị Hương       | 03/11/82  | Nữ   | Hải Phòng      |
| 27  | CH0348 | Đỗ Thị Thanh Hương   | 02/01/81  | Nữ   | Thanh Hóa      |
| 28  | CH0349 | Hà Thị Hương         | 28/02/86  | Nữ   | Thanh Hóa      |
| 29  | CH0350 | Hoàng Thị Hương      | 29/06/88  | Nữ   | Hòa Bình       |
| 30  | CH0351 | Lê Thị Hương         | 18/02/90  | Nữ   | Hà Nam         |
| 31  | CH0352 | Lý Thị Hương         | 07/03/82  | Nữ   | Hà Giang       |
| 32  | CH0353 | Nguyễn Thanh Hương   | 17/06/87  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 33  | CH0356 | Nguyễn Thị Thu Hương | 12/01/76  | Nữ   | Nam Định       |
| 34  | CH0357 | Nguyễn Thị Thu Hương | 28/04/79  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 35  | CH0358 | Nguyễn Thị Thu Hương | 04/12/91  | Nữ   | Bắc Ninh       |
| 36  | CH0359 | Nguyễn Thị Thu Hương | 20/05/81  | Nữ   | Tuyên Quang    |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 11

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|--------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0360 | Nguyễn Thu Hương   | 19/11/88  | Nam  | Thái Nguyên |
| 38  | CH0361 | Phạm Thị Mai Hương | 22/01/79  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 39  | CH0362 | Phạm Thị Mai Hương | 01/09/88  | Nữ   | Lai Châu    |
| 40  | CH0363 | Phùng Thị Hương    | 10/04/91  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 41  | CH0365 | Trần Thị Thu Hương | 08/03/77  | Nữ   | Thái Bình   |

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 12

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0366 | Trần Thu Hương       | 16/03/89  | Nữ   | Hòa Bình    |
| 2   | CH0368 | Vũ Thị Thanh Hương   | 09/11/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 3   | CH0369 | Bùi Thị Thúy Hường   | 08/09/73  | Nữ   | Thái Bình   |
| 4   | CH0370 | Bùi Văn Hường        | 11/11/76  | Nam  | Bắc Giang   |
| 5   | CH0371 | Lê Thị Hường         | 27/09/90  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 6   | CH0372 | Ngô Thị Hường        | 08/08/89  | Nữ   | Thái Bình   |
| 7   | CH0373 | Nguyễn Thị Thu Hường | 19/10/81  | Nữ   | Hà Nội      |
| 8   | CH0374 | Nguyễn Thu Hường     | 26/08/69  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 9   | CH0375 | Lê Văn Hữu           | 11/10/81  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 10  | CH0377 | Triệu Khanh          | 14/10/81  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 11  | CH0380 | Hà Quang Khánh       | 07/08/89  | Nam  | Thái Nguyên |
| 12  | CH0381 | Tạ Duy Khánh         | 28/10/87  | Nam  | Hưng Yên    |
| 13  | CH0382 | Bùi Văn Khiêm        | 03/07/79  | Nam  | Hải Dương   |
| 14  | CH0384 | Lưu Hồng Khoa        | 07/05/68  | Nam  | Thái Nguyên |
| 15  | CH0386 | Mai Quang Khuê       | 06/08/82  | Nam  | Tuyên Quang |
| 16  | CH0387 | Công Phương Khương   | 14/09/76  | Nam  | Hà Nội      |
| 17  | CH0388 | Hà Mạnh Khương       | 09/09/87  | Nam  | Tuyên Quang |
| 18  | CH0389 | Chu Đức Kiên         | 06/03/82  | Nam  | Bắc Giang   |
| 19  | CH0391 | Nguyễn Hoàng Kiên    | 15/03/89  | Nam  | Thái Nguyên |
| 20  | CH0392 | Nguyễn Hữu Kiên      | 20/07/88  | Nam  | Bắc Giang   |
| 21  | CH0395 | Nguyễn Văn Kiều      | 20/04/81  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 22  | CH0396 | Phạm Xuân Kiều       | 11/04/81  | Nam  | Sơn La      |
| 23  | CH0397 | Trịnh Trọng Kim      | 26/06/87  | Nam  | Thái Nguyên |
| 24  | CH0398 | Trần Văn Kính        | 05/10/86  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 25  | CH0399 | Đỗ Thị Lan           | 07/06/77  | Nữ   | Hải Phòng   |
| 26  | CH0401 | Nguyễn Tuyết Lan     | 04/01/82  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 27  | CH0402 | Trịnh Thị Lan        | 20/04/71  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 28  | CH0404 | Mạc Thị Lành         | 12/06/84  | Nữ   | Hải Dương   |
| 29  | CH0405 | Dương Đại Lâm        | 08/08/68  | Nam  | Thái Nguyên |
| 30  | CH0406 | Nguyễn Tùng Lâm      | 12/10/82  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 31  | CH0407 | Bế Thị Hồng Lê       | 16/01/80  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 32  | CH0408 | Nguyễn Thị Mỹ Lệ     | 07/01/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 33  | CH0409 | Phạm Thị Lệ          | 08/08/87  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 34  | CH0410 | Đinh Thị Hoàng Liên  | 16/10/90  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 35  | CH0411 | Kiều Thị Liên        | 10/03/90  | Nữ   | Hà Nội      |
| 36  | CH0413 | Nguyễn Thị Hồng Liên | 24/04/86  | Nữ   | Lai Châu    |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 12

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|--------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0414 | Trần Thị Hồng Liên | 19/04/73  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 38  | CH0415 | Đặng Thị Kim Liễu  | 30/06/72  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 39  | CH0416 | Trần Thị Liễu      | 01/12/88  | Nữ   | Thái Bình   |
| 40  | CH0417 | Viên Thị Liễu      | 18/07/88  | Nữ   | Hà Giang    |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 13

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0418 | Bùi Hải Linh         | 17/11/90  | Nữ   | Yên Bái     |
| 2   | CH0420 | Hoàng Thị Hoài Linh  | 26/03/86  | Nữ   | Hà Giang    |
| 3   | CH0421 | Ma Ngọc Linh         | 05/05/89  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 4   | CH0422 | Nguyễn Thị Chí Linh  | 13/01/84  | Nữ   | Hà Nội      |
| 5   | CH0423 | Nguyễn Thị Ngọc Linh | 25/08/84  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 6   | CH0424 | Nguyễn Thùy Linh     | 02/09/76  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 7   | CH0425 | Nông Văn Linh        | 12/07/86  | Nam  | Cao Bằng    |
| 8   | CH0426 | Hà Thị Lĩnh          | 26/03/91  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 9   | CH0427 | Nguyễn Văn Lịch      | 25/09/77  | Nam  | Thái Bình   |
| 10  | CH0428 | Hoàng Tiến Long      | 13/11/76  | Nam  | Hải Phòng   |
| 11  | CH0429 | Lê Ngọc Long         | 30/01/75  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 12  | CH0430 | Nghiêm Văn Long      | 29/10/91  | Nam  | Thái Nguyên |
| 13  | CH0431 | Nguyễn Ngọc Long     | 12/11/77  | Nam  | Hải Phòng   |
| 14  | CH0433 | Phan Quang Long      | 06/08/78  | Nam  | Phú Thọ     |
| 15  | CH0435 | Nguyễn Phúc Lộc      | 30/05/87  | Nam  | Thái Nguyên |
| 16  | CH0436 | Đỗ Huy Luân          | 11/03/85  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 17  | CH0437 | Vũ Thanh Luận        | 20/08/70  | Nam  | Ninh Bình   |
| 18  | CH0438 | Hà Thị Luyện         | 26/02/80  | Nữ   | Hải Dương   |
| 19  | CH0439 | Nguyễn Thị Luyến     | 10/08/89  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 20  | CH0440 | Lương Thị Ngọc Ly    | 17/12/90  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 21  | CH0441 | Hoàng Thị Hương Lý   | 03/01/84  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 22  | CH0442 | Lại Văn Lý           | 13/11/80  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 23  | CH0443 | Nguyễn Thị Lý        | 12/08/81  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 24  | CH0444 | Phạm Thị Thanh Mai   | 06/09/87  | Nữ   | Thái Bình   |
| 25  | CH0445 | Triệu Hồng Mai       | 26/10/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 26  | CH0446 | Vũ Thị Mai           | 08/09/89  | Nữ   | Nam Định    |
| 27  | CH0447 | Nguyễn Hoàng Mác     | 27/11/75  | Nam  | Thái Nguyên |
| 28  | CH0449 | Đỗ Thế Mạnh          | 27/08/81  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 29  | CH0450 | Hà Văn Mạnh          | 24/06/82  | Nam  | Thái Nguyên |
| 30  | CH0451 | Nguyễn Đức Mạnh      | 16/11/90  | Nam  | Thái Nguyên |
| 31  | CH0452 | Nguyễn Xuân Mạnh     | 17/06/77  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 32  | CH0455 | Trần Ngọc Minh       | 29/03/84  | Nam  | Thái Nguyên |
| 33  | CH0457 | Nguyễn Thị Mơ        | 01/02/90  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 34  | CH0458 | Bàn Thị Mỹ           | 16/06/89  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 35  | CH0459 | Ngô Cẩm Na           | 08/03/86  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 36  | CH0460 | Đỗ Hoài Nam          | 02/05/76  | Nam  | Bắc Ninh    |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 13

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN     | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|---------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0463 | Nguyễn Tú Nam | 15/12/83  | Nam  | Bắc Giang   |
| 38  | CH0464 | Phan Chí Nam  | 11/03/84  | Nam  | Thái Nguyên |
| 39  | CH0465 | Tô Hoài Nam   | 05/04/77  | Nam  | Thái Nguyên |
| 40  | CH0466 | Trần Đình Nam | 25/01/90  | Nam  | Thái Bình   |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 14

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN               | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-------------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0467 | Vũ Đức Nam              | 23/10/87  | Nam  | Bắc Giang   |
| 2   | CH0469 | Trần Văn Nên            | 20/06/77  | Nam  | Thái Bình   |
| 3   | CH0470 | Bùi Thị Nga             | 04/04/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 4   | CH0471 | Hoàng Thị Thu Nga       | 14/02/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0472 | Kiều Thanh Nga          | 13/12/84  | Nữ   | Điện Biên   |
| 6   | CH0473 | Lương Thúy Nga          | 27/01/91  | Nữ   | Hà Nam      |
| 7   | CH0474 | Ma Thị Quỳnh Nga        | 19/12/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 8   | CH0475 | Nguyễn Thị Hồng Nga     | 20/11/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 9   | CH0476 | Nguyễn Thị Thanh Nga    | 13/09/84  | Nữ   | Hà Nam Ninh |
| 10  | CH0477 | Nguyễn Thị Thanh Nga    | 17/12/85  | Nữ   | Hà Nội      |
| 11  | CH0478 | Nguyễn Thị Thu Nga      | 03/09/83  | Nữ   | Nghệ An     |
| 12  | CH0479 | Trịnh Thúy Nga          | 12/07/76  | Nữ   | Yên Bái     |
| 13  | CH0480 | Đinh Thị Kim Ngân       | 26/02/86  | Nam  | Thái Nguyên |
| 14  | CH0481 | Hoàng Thúy Ngân         | 30/03/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 15  | CH0482 | Lăng Thu Ngân           | 05/09/91  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 16  | CH0483 | Nguyễn Thị Ngân         | 09/02/90  | Nữ   | Hưng Yên    |
| 17  | CH0484 | Vũ Thị Ngân             | 21/09/89  | Nữ   | Thái Bình   |
| 18  | CH0485 | Hà Ngọc Nghĩa           | 04/04/83  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 19  | CH0486 | Trần Văn Nghĩa          | 30/06/88  | Nam  | Thái Nguyên |
| 20  | CH0488 | Nguyễn Thị Ngoan        | 25/07/83  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 21  | CH0489 | Nguyễn Thị Phương Ngoan | 21/02/88  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 22  | CH0490 | Bùi Đức Ngọc            | 05/04/85  | Nam  | Lào Cai     |
| 23  | CH0491 | Chu Thị ánh Ngọc        | 21/03/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 24  | CH0493 | Ngô Thị ánh Ngọc        | 19/08/88  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 25  | CH0494 | Nguyễn Thị Ngọc         | 05/12/77  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 26  | CH0495 | Vũ Anh Ngọc             | 17/07/91  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 27  | CH0496 | Nguyễn Thảo Nguyên      | 10/04/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 28  | CH0497 | Vũ Thị Hạnh Nguyên      | 18/10/82  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 29  | CH0498 | Hà Thị Nguyệt           | 01/05/88  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 30  | CH0499 | Nguyễn Thị Nguyệt       | 31/10/91  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 31  | CH0500 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt  | 07/01/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 32  | CH0501 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt  | 29/10/85  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 33  | CH0502 | Tô Minh Nguyệt          | 10/11/89  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 34  | CH0503 | Trần Thị Nhân           | 30/07/89  | Nữ   | Nam Định    |
| 35  | CH0504 | Hoàng Thị Nhạn          | 23/10/81  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 36  | CH0505 | Lý Thị Nhiên            | 11/08/84  | Nữ   | Yên Bái     |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 14

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0506 | Tô Thanh Nhì         | 25/08/83  | Nam  | Thái Bình   |
| 38  | CH0508 | Dương Hồng Nhung     | 07/10/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 39  | CH0509 | Đỗ Khánh Nhung       | 04/12/75  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 40  | CH0511 | Khuông Thị Kim Nhung | 09/07/73  | Nữ   | Lào Cai     |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 15

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0512 | Mai Thị Hồng Nhung    | 05/07/87  | Nữ   | Điện Biên   |
| 2   | CH0513 | Năng Hồng Nhung       | 30/06/90  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 3   | CH0514 | Ngô Thị Hồng Nhung    | 28/10/74  | Nữ   | Lai Châu    |
| 4   | CH0515 | Ngô Thị Trang Nhung   | 26/06/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0517 | Trần Thị Phương Nhung | 20/04/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 6   | CH0518 | Triệu Hồng Nhung      | 02/03/87  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 7   | CH0520 | Đinh Thị Nhượng       | 29/09/78  | Nữ   | Ninh Bình   |
| 8   | CH0521 | Nguyễn Hải Ninh       | 28/01/82  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 9   | CH0522 | Ngô Thị Nụ            | 25/12/82  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 10  | CH0523 | Nguyễn Thị Nụ         | 19/09/82  | Nữ   | Ninh Bình   |
| 11  | CH0524 | Bùi Thị Kiều Oanh     | 08/07/91  | Nữ   | Hưng Yên    |
| 12  | CH0525 | Nguyễn Thị Oanh       | 08/02/90  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 13  | CH0527 | Trần Kim Oanh         | 11/05/79  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 14  | CH0528 | Trần Thị Oanh         | 18/09/72  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 15  | CH0529 | Chử Ngọc Oánh         | 26/02/82  | Nam  | Phú Thọ     |
| 16  | CH0530 | Đào Hồng Phong        | 17/11/86  | Nam  | Tuyên Quang |
| 17  | CH0531 | Đinh Đại Phong        | 24/03/83  | Nam  | Phú Thọ     |
| 18  | CH0532 | Linh Kiên Phong       | 23/12/87  | Nam  | Cao Bằng    |
| 19  | CH0533 | Nguyễn Trần Phong     | 07/05/83  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 20  | CH0534 | Nguyễn Văn Phong      | 15/09/75  | Nam  | Tuyên Quang |
| 21  | CH0536 | Lê Thị Thanh Phúc     | 02/01/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 22  | CH0537 | Nguyễn Duy Phúc       | 14/01/85  | Nam  | Quảng Bình  |
| 23  | CH0538 | Nguyễn Minh Phúc      | 26/01/85  | Nam  | Hà Nam      |
| 24  | CH0539 | Nguyễn Sinh Phúc      | 01/09/70  | Nam  | Yên Bái     |
| 25  | CH0540 | Phạm Văn Phúc         | 20/11/89  | Nam  | Nam Định    |
| 26  | CH0541 | Đào Thị Phương        | 29/12/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 27  | CH0543 | Đồng Đức Phương       | 21/12/80  | Nam  | Thái Nguyên |
| 28  | CH0545 | Đỗ Minh Phương        | 14/09/77  | Nam  | Hải Phòng   |
| 29  | CH0548 | Lê Thị Thu Phương     | 20/05/88  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 30  | CH0550 | Nguyễn Tri Phương     | 24/09/83  | Nam  | Quảng Bình  |
| 31  | CH0551 | Phạm Thị Thu Phương   | 12/04/89  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 32  | CH0552 | Trần Thị Phương       | 01/12/89  | Nữ   | Nam Định    |
| 33  | CH0556 | Ngân Loan Phương      | 06/09/91  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 34  | CH0559 | Lê Đức Quang          | 11/05/74  | Nam  | Yên Bái     |
| 35  | CH0560 | Nguyễn Hồng Quang     | 08/02/79  | Nam  | Hà Nội      |
| 36  | CH0561 | Nguyễn Hồng Quang     | 18/02/83  | Nam  | Thái Nguyên |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 15

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0562 | Nguyễn Văn Quang | 30/01/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 38  | CH0563 | Trần Văn Quang   | 14/07/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 39  | CH0565 | Phạm Văn Quá     | 11/02/89  | Nam  | Lào Cai     |
| 40  | CH0566 | Trịnh Văn Quảng  | 17/04/77  | Nam  | Thái Nguyên |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 16

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|--------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0567 | Hoàng Tiến Quân    | 06/04/72  | Nam  | Tuyên Quang |
| 2   | CH0568 | Phạm Khắc Quân     | 24/09/76  | Nam  | Hải Phòng   |
| 3   | CH0569 | Trần Hồng Quân     | 30/07/79  | Nam  | Phú Thọ     |
| 4   | CH0571 | Nguyễn Hồng Quy    | 22/10/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0572 | Nguyễn Thị Quy     | 20/05/84  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 6   | CH0573 | Cù Thị Thu Quyên   | 07/02/78  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 7   | CH0574 | Nguyễn Thị Quyên   | 16/07/85  | Nữ   | Vĩnh Phúc   |
| 8   | CH0575 | Nông Thị Lệ Quyên  | 07/03/81  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 9   | CH0576 | Vũ Thanh Quyên     | 14/03/79  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 10  | CH0577 | Vũ Xuân Quyên      | 06/04/69  | Nữ   | Thái Bình   |
| 11  | CH0579 | Phan Quyền         | 07/08/82  | Nam  | Hà Tĩnh     |
| 12  | CH0580 | Vũ Đức Quyền       | 31/05/79  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 13  | CH0583 | Nguyễn Văn Quỳ     | 20/11/86  | Nam  | Vĩnh Phúc   |
| 14  | CH0584 | Đào Thị Thúy Quỳnh | 10/01/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 15  | CH0585 | Đỗ Minh Quỳnh      | 06/10/84  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 16  | CH0586 | Nguyễn Mạnh Quỳnh  | 12/10/73  | Nam  | Thái Nguyên |
| 17  | CH0587 | Nguyễn Ngọc Quỳnh  | 14/12/89  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 18  | CH0591 | Nguyễn Văn Quý     | 08/04/70  | Nam  | Hà Bắc      |
| 19  | CH0592 | Ninh Văn Quý       | 15/09/83  | Nam  | Thái Nguyên |
| 20  | CH0593 | Đỗ Thị Roan        | 16/07/84  | Nữ   | Thái Bình   |
| 21  | CH0594 | Zhang Hai Rvo      | 09/08/89  | Nam  | Trung Quốc  |
| 22  | CH0595 | Nguyễn Thị Linh Sa | 28/05/79  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 23  | CH0596 | Nguyễn Thị Sang    | 06/11/90  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 24  | CH0597 | Dương Minh Sáng    | 10/07/82  | Nam  | Thái Nguyên |
| 25  | CH0600 | Lưu Trường Sinh    | 24/08/90  | Nữ   | Nam Định    |
| 26  | CH0601 | Nguyễn Trường Sinh | 10/04/81  | Nam  | Hải Dương   |
| 27  | CH0602 | Nguyễn Mạnh Sĩ     | 18/07/72  | Nam  | Thái Nguyên |
| 28  | CH0603 | Lục Thị Soan       | 20/10/86  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 29  | CH0604 | Bùi Văn Sơn        | 03/05/71  | Nam  | Thái Nguyên |
| 30  | CH0605 | Bùi Văn Sơn        | 10/01/76  | Nam  | Hải Phòng   |
| 31  | CH0606 | Dương Hồng Sơn     | 28/09/86  | Nam  | Thái Nguyên |
| 32  | CH0607 | Đào Sơn            | 28/09/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 33  | CH0609 | Lưu Ngọc Sơn       | 12/02/82  | Nam  | Bắc Giang   |
| 34  | CH0612 | Nguyễn Khắc Sơn    | 06/02/89  | Nam  | Thái Nguyên |
| 35  | CH0613 | Nguyễn Thị Sơn     | 09/03/76  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 36  | CH0615 | Vũ Hoài Sơn        | 30/05/73  | Nam  | Hà Nội      |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 16

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN      | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|----------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0617 | Lâm Quang Tài  | 14/03/84  | Nam  | Tuyên Quang |
| 38  | CH0618 | Lâm Duy Tăng   | 29/02/72  | Nam  | Cao Bằng    |
| 39  | CH0619 | Huỳnh Văn Tánh | 14/09/79  | Nam  | Đồng Tháp   |
| 40  | CH0621 | Nguyễn Thị Tâm | 03/06/73  | Nữ   | Hà Nam      |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 17

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH       |
|-----|--------|------------------------|-----------|------|----------------|
| 1   | CH0622 | Nguyễn Thị Tâm         | 17/09/89  | Nữ   | Bắc Giang      |
| 2   | CH0624 | Trần Tố Tâm            | 02/09/80  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 3   | CH0625 | Đồng Thị Thanh         | 28/12/87  | Nữ   | Bắc Giang      |
| 4   | CH0626 | Hoàng Minh Thanh       | 08/06/80  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 5   | CH0627 | Hoàng Ngọc Thanh       | 23/08/79  | Nam  | Cao Bằng       |
| 6   | CH0628 | Hoàng Văn Thanh        | 28/04/83  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 7   | CH0630 | Nguyễn Thị Thanh       | 08/04/85  | Nữ   | Vĩnh Phúc      |
| 8   | CH0631 | Nguyễn Thị Minh Thanh  | 14/09/88  | Nữ   | Bắc Giang      |
| 9   | CH0632 | Trần Thị Ngọc Thanh    | 27/07/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 10  | CH0634 | Trương Thị Kim Thanh   | 13/11/73  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 11  | CH0635 | Vũ Duy Thanh           | 17/03/80  | Nam  | Hà Nội         |
| 12  | CH0636 | Vũ Ngọc Thanh          | 02/11/82  | Nam  | Hoàng Liên Sơn |
| 13  | CH0639 | Nguyễn Đức Thành       | 15/11/88  | Nam  | Thái Bình      |
| 14  | CH0640 | Nguyễn Hữu Thành       | 25/07/72  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 15  | CH0641 | Nguyễn Phúc Thành      | 22/01/69  | Nam  | Hải Dương      |
| 16  | CH0643 | Phùng Chung Thành      | 21/09/80  | Nam  | Phú Thọ        |
| 17  | CH0644 | Đào Thị Hồng Thái      | 27/09/81  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 18  | CH0645 | Nguyễn Thị Hồng Thái   | 19/05/87  | Nữ   | Quảng Bình     |
| 19  | CH0646 | Thân Thị Thái          | 08/11/83  | Nữ   | Bắc Giang      |
| 20  | CH0647 | Đậu Văn Thảo           | 08/06/82  | Nam  | Thanh Hóa      |
| 21  | CH0648 | Đoàn Thị Bích Thảo     | 17/01/80  | Nữ   | Hà Nội         |
| 22  | CH0649 | Đỗ Thị Thảo            | 01/03/76  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 23  | CH0650 | Lê Thị Thảo            | 29/08/89  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 24  | CH0651 | Lê ái Thanh Thảo       | 03/11/86  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 25  | CH0652 | Nguyễn Thị Thảo        | 26/02/91  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 26  | CH0653 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 18/12/89  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 27  | CH0654 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 25/08/89  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 28  | CH0655 | Tạ Ngọc Thảo           | 28/06/85  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 29  | CH0656 | Trần Hương Thảo        | 02/02/86  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 30  | CH0657 | Vy Thị Phương Thảo     | 07/06/85  | Nữ   | Lạng Sơn       |
| 31  | CH0658 | Ninh Xuân Thao         | 19/09/83  | Nam  | Ninh Bình      |
| 32  | CH0659 | Trần Thị Thắm          | 21/04/85  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 33  | CH0660 | Bùi Xuân Thắng         | 25/02/85  | Nam  | Hải Dương      |
| 34  | CH0661 | Hà Sỹ Thắng            | 17/01/75  | Nam  | Bắc Kạn        |
| 35  | CH0664 | Lê Việt Thắng          | 14/10/90  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 36  | CH0665 | Lục Xuân Thắng         | 14/09/79  | Nam  | Cao Bằng       |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 17

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN       | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH  |
|-----|--------|-----------------|-----------|------|-----------|
| 37  | CH0666 | Phan Doãn Thắng | 28/10/79  | Nam  | Thái Bình |
| 38  | CH0667 | Phan Văn Thắng  | 02/01/81  | Nam  | Bắc Kạn   |
| 39  | CH0668 | Trần Đại Thắng  | 10/05/75  | Nam  | Vĩnh Phúc |
| 40  | CH0669 | Trịnh Văn Thắng | 20/07/78  | Nam  | Thanh Hóa |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 18

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0670 | Vũ Đức Thắng          | 02/02/88  | Nam  | Thái Bình   |
| 2   | CH0671 | Đoàn Thị The          | 01/03/73  | Nữ   | Thái Bình   |
| 3   | CH0672 | Lý Thị Thêm           | 17/11/88  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 4   | CH0673 | Ngô Hồng Thêu         | 24/10/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 5   | CH0674 | Đào Thị Thiết         | 05/09/91  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 6   | CH0675 | Đỗ Xuân Thiệm         | 02/09/69  | Nam  | Thái Bình   |
| 7   | CH0676 | Lã Quang Thịnh        | 19/11/87  | Nam  | Phú Thọ     |
| 8   | CH0679 | Lương Hoàng Thọ       | 11/03/90  | Nam  | Thái Nguyên |
| 9   | CH0680 | Nông Trương Lệ Thơ    | 05/02/87  | Nữ   | Bắc Kạn     |
| 10  | CH0682 | Mễ Thị Hồng Thơi      | 02/07/89  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 11  | CH0683 | Lê Thị Thơm           | 01/01/86  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 12  | CH0684 | Đặng Thị Hoài Thu     | 18/12/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 13  | CH0685 | Lâm Thị Thu           | 22/06/91  | Nữ   | Hải Phòng   |
| 14  | CH0686 | Nguyễn Thị Thu        | 30/05/90  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 15  | CH0687 | Nguyễn Thị Hoài Thu   | 03/01/88  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 16  | CH0688 | Nguyễn Thị Minh Thu   | 15/07/77  | Nữ   | Nam Định    |
| 17  | CH0689 | Trần Hoài Thu         | 14/09/91  | Nữ   | Hà Nam      |
| 18  | CH0691 | Trương Thị Hoài Thu   | 12/09/82  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 19  | CH0692 | Nguyễn Thị Thuận      | 19/04/91  | Nữ   | Hòa Bình    |
| 20  | CH0693 | Nguyễn Văn Thuận      | 12/09/84  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 21  | CH0695 | Bùi Thị Thủy          | 20/10/88  | Nữ   | Bắc Ninh    |
| 22  | CH0699 | Đỗ Văn Thủy           | 28/03/87  | Nam  | Hà Nội      |
| 23  | CH0700 | Giáp Thị Thủy         | 08/05/90  | Nữ   | Bắc Giang   |
| 24  | CH0701 | Hoàng Bích Thủy       | 14/12/82  | Nữ   | Cao Bằng    |
| 25  | CH0702 | Lê Thị Bích Thủy      | 20/11/79  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 26  | CH0703 | Lê Thị Thanh Thủy     | 03/02/91  | Nữ   | Hưng Yên    |
| 27  | CH0704 | Lê Vũ Thu Thủy        | 08/01/83  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 28  | CH0705 | Lê Xuân Thủy          | 02/03/65  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 29  | CH0706 | Nguyễn Đức Thủy       | 28/04/81  | Nam  | Quảng Ninh  |
| 30  | CH0707 | Nguyễn Thị Thủy       | 03/07/89  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 31  | CH0708 | Nguyễn Thị Thủy       | 20/05/89  | Nữ   | Phú Thọ     |
| 32  | CH0709 | Nguyễn Thị Chung Thủy | 21/10/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 33  | CH0710 | Đỗ Thị Thục           | 05/11/84  | Nữ   | Hà Nam      |
| 34  | CH0711 | Nguyễn Thị Thục       | 11/01/77  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 35  | CH0712 | Lý Thị Anh Thư        | 22/12/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 36  | CH0713 | Lý Thị Bình Thư       | 12/11/81  | Nữ   | Yên Bái     |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 18

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH  |
|-----|--------|------------------------|-----------|------|-----------|
| 37  | CH0714 | Nguyễn Ngọc Thư        | 17/11/83  | Nam  | Phú Thọ   |
| 38  | CH0715 | Nguyễn Thị Thương      | 13/12/90  | Nữ   | Hà Nam    |
| 39  | CH0716 | Nguyễn Thị Thùy Thương | 29/12/86  | Nữ   | Phú Thọ   |
| 40  | CH0717 | Tổng Công Thương       | 25/12/77  | Nam  | Hải Phòng |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 19

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH       |
|-----|--------|----------------------|-----------|------|----------------|
| 1   | CH0718 | Nguyễn Trung Thường  | 03/07/83  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 2   | CH0719 | Dương Văn Tiến       | 20/01/78  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 3   | CH0720 | Đoàn Văn Tiến        | 10/07/90  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 4   | CH0721 | Lê Sỹ Tiến           | 06/01/79  | Nam  | Bắc Ninh       |
| 5   | CH0722 | Ngô Mạnh Tiến        | 14/11/81  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 6   | CH0723 | Phạm Thị Minh Tiến   | 07/11/84  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 7   | CH0725 | Nguyễn Thị Tình      | 15/07/75  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 8   | CH0726 | Đào Huy Toàn         | 19/11/71  | Nam  | Quảng Ninh     |
| 9   | CH0727 | Nguyễn Đức Toàn      | 05/06/84  | Nam  | Nam Định       |
| 10  | CH0728 | Nguyễn Hữu Toàn      | 31/10/76  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 11  | CH0729 | Nguyễn Khánh Toàn    | 12/02/77  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 12  | CH0730 | Nguyễn Xuân Toàn     | 17/09/79  | Nam  | Hà Giang       |
| 13  | CH0731 | Phạm Văn Toán        | 21/10/81  | Nam  | Hải phòng      |
| 14  | CH0732 | Cao Thị Nhung Trang  | 14/10/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 15  | CH0733 | Đồng Thị Thu Trang   | 23/10/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 16  | CH0734 | Lê Thu Trang         | 24/03/83  | Nữ   | Vĩnh Phúc      |
| 17  | CH0735 | Lương Thị Trang      | 26/07/85  | Nữ   | Cao Bằng       |
| 18  | CH0736 | Ngô Thị Huyền Trang  | 29/09/87  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 19  | CH0737 | Nguyễn Huyền Trang   | 07/06/89  | Nữ   | Hà Nội         |
| 20  | CH0738 | Nguyễn Mai Trang     | 12/08/91  | Nữ   | Hà Nội         |
| 21  | CH0740 | Nguyễn Thị Thu Trang | 01/05/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 22  | CH0742 | Phan Thị Trang       | 02/07/88  | Nữ   | Lạng Sơn       |
| 23  | CH0743 | Phạm Quỳnh Trang     | 05/08/91  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 24  | CH0744 | Thân Thị Minh Trang  | 08/01/91  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 25  | CH0745 | Võ Quỳnh Trang       | 12/05/82  | Nữ   | Quảng Ninh     |
| 26  | CH0747 | Vũ Thị Minh Trang    | 26/03/90  | Nữ   | Thái Nguyên    |
| 27  | CH0748 | Nguyễn Ngọc Trâm     | 20/07/89  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 28  | CH0750 | Lâm Văn Trì          | 16/03/82  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 29  | CH0751 | Nguyễn Huy Trọng     | 03/04/80  | Nam  | Hà Nội         |
| 30  | CH0752 | Đoàn Thành Trung     | 01/05/84  | Nam  | Hà Nam         |
| 31  | CH0754 | Phạm Quang Trung     | 03/12/84  | Nam  | Hoàng Liên Sơn |
| 32  | CH0755 | Yên Ngọc Trung       | 01/02/80  | Nam  | Phú Thọ        |
| 33  | CH0756 | Hà Kim Truyền        | 26/07/88  | Nam  | Tuyên Quang    |
| 34  | CH0757 | Đỗ Xuân Trường       | 25/06/74  | Nam  | Hà Nam         |
| 35  | CH0759 | Lê Vũ Trường         | 05/10/87  | Nam  | Thái Nguyên    |
| 36  | CH0760 | Lương Xuân Trường    | 29/01/78  | Nam  | Thái Nguyên    |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 19

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0761 | Ngô Xuân Trường  | 14/11/76  | Nam  | Thái Nguyên |
| 38  | CH0763 | Bùi Trọng Tuấn   | 26/09/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 39  | CH0766 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 01/11/81  | Nam  | Bắc Giang   |
| 40  | CH0767 | Nguyễn Ngọc Tuấn | 30/06/86  | Nam  | Thái Nguyên |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014**

PHÒNG THI: 20

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|---------------------|-----------|------|-------------|
| 1   | CH0769 | Nguyễn Xuân Tuấn    | 31/03/83  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 2   | CH0770 | Phan Minh Tuấn      | 20/05/77  | Nam  | Hà Nội      |
| 3   | CH0771 | Phan Thanh Tuấn     | 14/09/86  | Nam  | Thái Nguyên |
| 4   | CH0772 | Vũ Đăng Tuấn        | 18/11/82  | Nam  | Thái Nguyên |
| 5   | CH0773 | Bùi Vĩnh Tuy        | 29/10/81  | Nam  | Phú Thọ     |
| 6   | CH0774 | Hoàng Ngọc Tuyên    | 19/07/85  | Nam  | Hà Giang    |
| 7   | CH0775 | Nguyễn Văn Tuyên    | 15/01/69  | Nam  | Thái Nguyên |
| 8   | CH0777 | Phạm Văn Tuyên      | 14/10/74  | Nam  | Phú Thọ     |
| 9   | CH0778 | Hà Thị Tuyền        | 27/08/86  | Nữ   | Thanh Hóa   |
| 10  | CH0780 | Đoàn Thị Kim Tuyến  | 25/10/89  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 11  | CH0781 | Ngô Quang Tuyến     | 02/01/80  | Nam  | Hải Phòng   |
| 12  | CH0782 | Đặng ánh Tuyết      | 30/10/77  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 13  | CH0784 | Ngô Thế Tuyến       | 14/08/74  | Nam  | Hòa Bình    |
| 14  | CH0787 | Phạm Quang Tùng     | 09/01/90  | Nam  | Thái Nguyên |
| 15  | CH0788 | Quách Ngọc Tùng     | 26/12/88  | Nam  | Hà Nội      |
| 16  | CH0789 | Tôn Tiến Tùng       | 25/04/87  | Nam  | Lạng Sơn    |
| 17  | CH0790 | Trần Việt Tùng      | 14/04/88  | Nam  | Hà Giang    |
| 18  | CH0792 | Lương Ngọc Tú       | 27/09/81  | Nam  | Hà Nam      |
| 19  | CH0795 | Trần Minh Tú        | 06/11/82  | Nam  | Bắc Ninh    |
| 20  | CH0800 | Đinh Thúy Vân       | 11/09/87  | Nữ   | Tuyên Quang |
| 21  | CH0801 | La Thị Cẩm Vân      | 24/04/85  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 22  | CH0802 | Lê Thị Hồng Vân     | 23/12/89  | Nữ   | Hà Nội      |
| 23  | CH0803 | Nguyễn Thị Hồng Vân | 27/12/78  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 24  | CH0804 | Tạ Thị Vân          | 11/10/91  | Nữ   | Quảng Ninh  |
| 25  | CH0805 | Tạ Thị Hải Vân      | 26/02/82  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 26  | CH0806 | Trần Khánh Vân      | 02/09/86  | Nữ   | Yên Bái     |
| 27  | CH0808 | Nguyễn Văn Viên     | 15/01/77  | Nam  | Bắc Giang   |
| 28  | CH0809 | Dương Thị Việt      | 21/12/91  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 29  | CH0810 | Nguyễn Tuấn Việt    | 13/01/85  | Nam  | Thái Nguyên |
| 30  | CH0811 | Phan Hoàng Việt     | 21/12/88  | Nam  | Hà Nam      |
| 31  | CH0812 | Phạm Thế Việt       | 29/09/89  | Nam  | Hải Phòng   |
| 32  | CH0813 | Bùi Chí Vinh        | 22/08/78  | Nam  | Phú Thọ     |
| 33  | CH0815 | Nguyễn Anh Vinh     | 01/06/71  | Nam  | Thanh Hóa   |
| 34  | CH0816 | Nguyễn Mạnh Vinh    | 09/03/74  | Nam  | Bắc Kạn     |
| 35  | CH0817 | Phạm Đức Vinh       | 07/10/90  | Nam  | Lạng Sơn    |
| 36  | CH0818 | Tạ Văn Vinh         | 23/03/89  | Nam  | Thái Nguyên |

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU THÁNG 3 NĂM 2014

PHÒNG THI: 20

TRÌNH ĐỘ: B1

MÔN THI: NÓI

| STT | SBD    | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH | PHÁI | NƠI SINH    |
|-----|--------|-----------------------|-----------|------|-------------|
| 37  | CH0821 | Lộc Trần Vượng        | 28/07/91  | Nam  | Hà Giang    |
| 38  | CH0824 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | 14/04/89  | Nữ   | Lạng Sơn    |
| 39  | CH0825 | Trần Thị Thanh Xuân   | 17/02/78  | Nữ   | Thái Nguyên |
| 40  | CH0827 | Đỗ Hải Yến            | 05/04/86  | Nữ   | Tuyên Quang |

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.